

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BQL-QHĐTĐXD

Đồng Tháp, ngày tháng 10 năm 2026

V/v lấy ý kiến cơ quan chuyên môn
về điều kiện phê duyệt điều chỉnh quy
hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà xưởng
sản xuất bánh kẹo Want Want

Kính gửi: Sở Xây dựng

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư 06/2022/TT-BXD ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình và Thông tư 09/2023/TT-BXD ngày 16/10/2023 của Bộ Xây dựng về ban hành sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

Căn cứ Quyết định số 2767/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 26/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Long Giang;

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 10/3/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tại Khu công nghiệp Long Giang, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4341925538, chứng nhận lần đầu ngày 06/8/2018 và chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 23/12/2021;

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 01876563, diện tích 75.197,3 m²;

Căn cứ Công văn số 7892/SXD-QHKTPTĐT ngày 17/8/2026 của Sở Xây dựng về việc ý kiến hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want, Khu công nghiệp Long Giang;

Căn cứ Công văn số 9190/SXD-QHKTPTĐT ngày 23/9/2026 của Sở Xây dựng về việc ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định về điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want tại Khu công nghiệp Long Giang;

Căn cứ Công văn số 14185/SNN&MT-QLĐĐ ngày 22/9/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định về điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án “Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want” tại Khu công nghiệp Long Giang;

Căn cứ Văn bản số 152/CV.LG.2026 ngày 05/8/2026 và Văn bản số 260/CV.LG.2026 ngày 22/9/2026 của Công ty TNHH Phát triển KCN Long Giang về thỏa thuận đấu nối hạ tầng và việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want tại Khu công nghiệp Long Giang;

Căn cứ phiếu nhận xét, đánh giá của thành viên Hội đồng thẩm định;

Căn cứ Báo cáo số 42/BC-QHĐTXD ngày 30/9/2026 của Phòng Quản lý Quy hoạch, Đầu tư và Xây dựng thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp về kết quả thẩm định điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want, tại KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp;

Tiếp nhận Tờ trình số 03/TTr-WW ngày 06/10/2026 của Công ty TNHH Want Want Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want;

Căn cứ khoản 4 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 được sửa đổi tại điểm b khoản 29 Điều 1 Luật số 144/2025/QH15 quy định:

4. Cơ quan, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập được giao quản lý khu chức năng và không trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý khu chức năng có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch phân khu chức năng, nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch chi tiết khu chức năng. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công trách nhiệm giữa cơ quan, tổ chức được giao quản lý khu chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc thực hiện thẩm quyền phê duyệt và trách nhiệm thẩm định quy hoạch trong phạm vi khu chức năng.

Trường hợp cơ quan, tổ chức được giao quản lý khu chức năng phê duyệt quy hoạch thì trước khi phê duyệt phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về sự bảo đảm phù hợp với yêu cầu kết nối hạ tầng kỹ thuật tỉnh và việc tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng trong nội dung quy hoạch.

Thực hiện theo quy định nêu trên, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp (Ban Quản lý) kính gửi Sở Xây dựng có ý kiến về điều kiện phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp, với những nội dung cơ bản như sau:

I. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỒ ÁN

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp.

2. Phạm vi ranh giới và diện tích lập quy hoạch:

- Vị trí: các lô 23B, 25A, 29A và 30, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp.

- Ranh giới khu đất không thay đổi so với Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 19/3/2020.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

- Diện tích lập quy hoạch: 75.197,32 m² (7,5197 ha). Quy mô lao động khoảng 1.000 người, không thay đổi.

3. Nội dung điều chỉnh: bổ sung Nhà kho CT-2.2 (132,00 m × 60,70 m; diện tích xây dựng 8.012,40 m²; 01 tầng; cao 8,96 m; diện tích sàn 8.012,40 m²) trên phần đất giao thông, bến bãi chuyển đổi, không sử dụng đất cây xanh; điều chỉnh cơ cấu đất trong nội bộ khu đất. Việc điều chỉnh không làm thay đổi tính chất đất công nghiệp, ranh giới, công suất sản xuất đã đăng ký và các giải pháp quy hoạch chính đã được phê duyệt, thuộc trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 45 và điểm a khoản 2 Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.

4. Các chỉ tiêu quy hoạch:

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Đất xây dựng Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Long Giang và đồ án đã được phê duyệt tại Quyết định số 606/QĐ-UBND; tỷ lệ các loại đất bảo đảm theo QCVN 01:2021/BXD.

Bảng cơ cấu sử dụng đất trước và sau khi điều chỉnh

STT	HẠNG MỤC	THEO QĐ SỐ 606/QĐ-UBND NGÀY 19/3/2020		SAU KHI ĐIỀU CHỈNH		TĂNG (+) GIẢM (-) (m ²)	QCVN / ĐỒ ÁN ĐÃ DUYỆT
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ		
I	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	33.074,24	43,98%	41.086,64	54,64%	+8.012,40	≤ 60%
II	ĐẤT CÂY XANH	15.179,27	20,19%	17.367,06	23,10%	+2.187,79	≥ 20%
III	ĐẤT GIAO THÔNG, BẾN BÃI	26.943,81	35,83%	16.743,62	22,27%	-10.200,19	
	TỔNG CỘNG	75.197,32	100,00%	75.197,32	100,00%	-	

4.2. Các chỉ tiêu hạng mục trong khu vực lập quy hoạch:

Bảng thống kê các hạng mục công trình sau điều chỉnh

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC		DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	GHI CHÚ
			Dài (m)	Rộng (m)		
01	CT-1.1	Nhà xưởng 1	210,18	64,80	13.619,79	Hiện hữu
02	CT-1.2	Nhà xưởng 2	236,69	60,80	14.391,36	Hiện hữu
03	CT-2.1	Nhà kho hóa chất	16,90	14,40	243,36	Hiện hữu
04	CT-2.2	Nhà kho	132,00	60,70	8.012,40	Xây dựng mới; 01 tầng; cao 8,96 m
05	HT-3.1	Phòng điều khiển hệ thống nước, phòng bơm, bể PCCC	33,40	14,20	474,40	Hiện hữu
06	HT-3.2	Trạm khí nén	10,00	8,50	85,04	Hiện hữu
07	HT-3.3	Phòng lò hơi	-	-	414,92	Hiện hữu
08	HT-3.4	Khu xử lý nước thải	-	-	876,21	Hiện hữu
09	HT-4.1	Nhà bếp, nhà ăn, nhà kho, phòng máy	108,50	16,50	1.790,25	Hiện hữu
10	HT-4.2	Nhà để xe 02 bánh	30,43	21,08	641,44	Hiện hữu
11	HT-4.3	Nhà chứa rác	15,40	14,20	218,68	Hiện hữu
12	HT-4.4	Nhà bảo vệ	-	-	54,81	Hiện hữu

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC		DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	GHI CHÚ
			Dài (m)	Rộng (m)		
13	HT-4.4	Nhà bảo vệ	-	-	54,82	Hiện hữu
14	HT-4.5	Hành lang nổi	12,60	4,00	50,40	Hiện hữu
15	HT-4.5	Hành lang nổi	12,60	4,00	50,40	Hiện hữu
16	HT-4.5	Hành lang nổi	12,60	8,60	108,36	Hiện hữu
		TỔNG CỘNG (đất xây dựng công trình)			41.086,64	

Bảng thống kê diện tích sàn sau điều chỉnh

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC		DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)
		Dài (m)	Rộng (m)			
I	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT			28.011,15		62.452,77
CT-1.1	Nhà xưởng 1	210,18	64,80	13.619,79	05	33.444,96
CT-1.2	Nhà xưởng 2	236,69	60,80	14.391,36	05	29.007,81
II	NHÀ KHO			8.255,76		8.255,76
CT-2.1	Nhà kho hóa chất	16,90	14,40	243,36	01	243,36
CT-2.2	Nhà kho (xây mới)	132,00	60,70	8.012,40	01	8.012,40
III	CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT			1.850,57		1.850,57
HT-3.1	Phòng điều khiển hệ thống nước, phòng bơm, bể PCCC	33,40	14,20	474,40	01	474,40
HT-3.2	Trạm khí nén	10,00	8,50	85,04	01	85,04
HT-3.3	Phòng lò hơi	-	-	414,92	01	414,92
HT-3.4	Khu xử lý nước thải	-	-	876,21	01	876,21
IV	KHOẢNG CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ			2.969,16		4.252,04
HT-4.1	Nhà bếp, nhà ăn, nhà kho, phòng máy	108,50	16,50	1.790,25	01	1.790,25
HT-4.2	Nhà để xe 02 bánh	30,43	21,08	641,44	03	1.924,32
HT-4.3	Nhà chứa rác	15,40	14,20	218,68	01	218,68
HT-4.4	Nhà bảo vệ	-	-	54,81	01	54,81
HT-4.4	Nhà bảo vệ	-	-	54,82	01	54,82
HT-4.5	Hành lang nổi	12,60	4,00	50,40	01	50,40
HT-4.5	Hành lang nổi	12,60	4,00	50,40	01	50,40
HT-4.5	Hành lang nổi	12,60	8,60	108,36	01	108,36
	TỔNG CỘNG			41.086,64		76.811,14

- Tổng diện tích sàn xây dựng sau điều chỉnh là 76.811,14 m², gồm 68.798,74 m² diện tích sàn hiện hữu và 8.012,40 m² diện tích sàn bổ sung của CT-2.2.

Đất xây dựng công trình 41.086,64 m², chiếm 54,64% ($\leq 60\%$ theo đồ án được duyệt); đất cây xanh 17.367,06 m², chiếm 23,10% ($\geq 20\%$); đất giao thông, bến bãi 16.743,62 m², chiếm 22,27%.

Nhà chứa rác HT-4.3 hiện hữu có diện tích 218,68 m² giữ nguyên vị trí, diện tích, chức năng, sức chứa và đường thu gom.

- Hệ số sử dụng đất dự kiến là 1,02 lần (tổng diện tích sàn xây dựng 76.811,14 m²/diện tích khu đất 75.197,32 m²), nằm trong giới hạn hệ số sử dụng đất $0,4 \div 2$ lần và tầng cao $1 \div 5$ tầng theo Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 19/3/2020, phù hợp với Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 18/6/2025.

4.3. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật chính

Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật chính:

Stt	Các chỉ tiêu	Theo QCVN 01:2021/BXD / đồ án đã duyệt	Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch
1	Chỉ tiêu về xây dựng		
1.1	Đất xây dựng công trình	$\leq 60\%$ theo QĐ 606/QĐ-UBND	54,64% (Đạt)
1.2	Mật độ cây xanh	$\geq 20\%$	23,10% (Đạt)
1.3	Đất giao thông, bến bãi	26.943,81 m ² (35,83%)	16.743,62 m ² (22,27%)
2	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
2.1	Cấp điện	200 kW/ha	Sử dụng mạng điện 0,4 kV hiện hữu
2.2	Cấp nước		Sử dụng hệ thống cấp nước hiện hữu
	- Nước nhu cầu sản xuất	50 m ³ /ngày	50 m ³ /ngày
	- Nước khu hành chính, dịch vụ	7,4 m ³ /ngày	7,4 m ³ /ngày
	- Nước sinh hoạt công nhân	50 m ³ /ngày	50 m ³ /ngày
	- Nước cho kho bãi	9,2 m ³ /ngày	9,2 m ³ /ngày
	- Nước tưới đường, cây xanh	53,9 m ³ /ngày	53,9 m ³ /ngày
	- Nước chữa cháy	324 m ³ /03 giờ	Sử dụng hệ thống PCCC hiện hữu và giải pháp PCCC của CT-2.2
2.3	San nền		
	- Cao độ hiện trạng trung bình	+1,90 m	+1,90 m
	- Cao độ hoàn thiện nền nhà kho		+2,45 m
2.4	Thoát nước thải	Hệ thống riêng	Sử dụng hệ thống thoát nước thải hiện hữu
2.5	Thoát nước mưa	Hệ thống riêng	Sử dụng hệ thống thoát nước mưa chung đã đầu tư ở giai đoạn trước

Stt	Các chỉ tiêu	Theo QCVN 01:2021/BXD / đồ án đã duyệt	Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch
2.6	Chất thải rắn	Thu gom, phân loại	Nhà chứa rác HT-4.3 hiện hữu: 15,40 m × 14,20 m; diện tích 218,68 m ² ; giữ nguyên sau điều chỉnh
2.7	Công nhân, nhân viên	1.000 người	Không thay đổi
2.8	Tầng cao nhà kho	Chưa có CT-2.2	01 tầng
2.9	Ranh giới khu đất	75.197,32 m ²	Không thay đổi

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông: giữ nguyên các cổng N5, N7 và các trục giao thông nội bộ chính; đất giao thông, bến bãi còn 16.743,62 m², đáp ứng luồng xe hàng, bốc dỡ, đỗ, quay đầu và tiếp cận chữa cháy; đường xe chữa cháy được duy trì thông thoáng từ cổng đến CT-2.2.

b. San nền, thoát nước mưa: cao độ hiện trạng trung bình +1,90 m; cao độ hoàn thiện nền CT-2.2 là +2,45 m. Nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa chung đã đầu tư ở giai đoạn trước (cổng BTCT D300, D400, D600, D800, hố ga và điểm thoát hiện hữu), tách riêng với nước thải, không phát sinh điểm đấu nối mới với hệ thống Khu công nghiệp Long Giang.

c. Cấp nước và PCCC: nguồn nước từ tuyến ống Ø150 trên đường N5; nhu cầu dùng nước thường xuyên 170,50 m³/ngày đêm (không thay đổi); dự trữ nước chữa cháy 324 m³/03 giờ. CT-2.2 sử dụng bể, phòng bơm và mạng cấp nước chữa cháy hiện hữu, bố trí hệ thống báo cháy, chữa cháy và thoát nạn phù hợp với kho một tầng.

d. Thoát nước thải, chất thải rắn: CT-2.2 không bố trí dây chuyền sản xuất, không phát sinh nước thải sản xuất; nước thải sinh hoạt thu gom vào hệ thống hiện hữu và đấu nối với hệ thống chung của Khu công nghiệp Long Giang. Chất thải được phân loại tại nguồn và chuyển về Nhà chứa rác HT-4.3 trước khi bàn giao cho đơn vị có chức năng.

e. Cấp điện, thông tin liên lạc: sử dụng tuyến trung thế 22 kV và 02 trạm biến áp 22/0,4 kV (1.600 kVA/trạm) hiện hữu, không xây thêm trạm hoặc tuyến trung thế mới; đấu nối cục bộ mạng 0,4 kV và mạng thông tin liên lạc hiện hữu.

II. VỀ QUÁ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Công ty TNHH Want Want Việt Nam đã có Tờ trình số 01/TTr-WW ngày 08/9/2026 về việc thẩm định điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp.

1. Quá trình lấy ý kiến và tiếp thu, giải trình của Chủ đề án trong quá trình lập, thẩm định quy hoạch

a. Lấy ý kiến của Hội đồng thẩm định

Ngày 15/9/2026, Ban Quản lý có Công văn số 1873/BQL-QHĐTXD về việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định về điều chỉnh Quy hoạch chi tiết

tỷ lệ 1/500 dự án “Nhà xưởng sản xuất bánh kẹo Want Want” tại Khu công nghiệp Long Giang; Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến tại Công văn số 14185/SNN&MT-QLĐĐ ngày 22/9/2026; Sở Xây dựng có ý kiến tại Công văn số 9190/SXD-QHKTPTĐT ngày 23/9/2026; và các phiếu nhận xét, đánh giá của thành viên Hội đồng thẩm định.

Chủ đề án đã tiếp thu, giải trình tại Văn bản số 02/CV-WW ngày 28/9/2026 để hoàn chỉnh hồ sơ, làm cơ sở trình phê duyệt (*Kèm Bảng phụ lục tiếp thu/giải trình nội dung lấy ý kiến*).

b. Lấy ý kiến và tiếp thu, giải trình của Chủ đề án

Chủ đề án đã lấy ý kiến Sở Xây dựng tại Công văn số 01/CV-WW ngày 04/8/2026; Sở Xây dựng có ý kiến tại Công văn số 7892/SXD-QHKTPTĐT ngày 17/8/2026 và Công ty TNHH Phát triển KCN Long Giang có ý kiến tại Văn bản số 152/CV.LG.2026 ngày 05/8/2026.

Chủ đề án đã tiếp thu, giải trình tại Văn bản số 02/CV-WW ngày 08/9/2026. Khu vực lập quy hoạch không có cộng đồng dân cư sinh sống nên không thực hiện lấy ý kiến cộng đồng dân cư.

2. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp.
- Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp.
- Thẩm định: Phòng Quản lý Quy hoạch, Đầu tư và Xây dựng.
- Tổ chức lập quy hoạch: Công ty TNHH Want Want Việt Nam (Chủ đầu tư đề án).

- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng A&A Tiền Giang, có năng lực hoạt động phù hợp, được lựa chọn theo quy định pháp luật.

** Hồ sơ đính kèm: Thuyết minh Đồ án quy hoạch, văn bản liên quan, các bản vẽ quy hoạch, tệp tài liệu¹*

Rất mong Quý Sở quan tâm, có ý kiến thống nhất trước **ngày 13/10/2026**, làm cơ sở để Ban Quản lý Khu kinh tế phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND xã Tân Phước 3;
- Công ty TNHH Want Want Việt Nam;
- Lãnh đạo Ban;
- Website BQLKKT;
- Lưu: VT, QHĐTĐD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Vũ

¹. Tệp tài liệu: <https://drive.google.com/drive/folders/1owqQJ4QaDSk6j0N5-ScI0A2YnL0nBVkk?usp=sharing>